

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.258.781.838.321	569.369.456.452
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		275.754.725.315	103.897.171.188
1. Tiền	111	V.1	275.754.725.315	103.897.171.188
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		203.305.865.250	20.304.871.250
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	240.102.528.218	20.852.655.365
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(36.796.662.968)	(547.784.115)
III. Các khoản phải thu	130		652.209.710.673	281.607.697.786
1. Phải thu của khách hàng	131	V.4	228.401.134.007	165.161.275.745
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	121.652.866.861	22.309.542.795
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.6	303.512.792.375	94.875.577.762
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.7	(1.357.082.570)	(738.698.516)
IV. Hàng tồn kho	140		9.379.736.317	5.611.552.070
1. Hàng tồn kho	141	V.8	9.379.736.317	5.611.552.070
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		118.131.800.767	157.948.164.158
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	5.779.168.215	2.137.380.683
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.529.903.228	79.478.441
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	2.047.556.503	2.924.242.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	95.775.172.821	152.807.063.034

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.027.754.981.285	823.507.501.223
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu nội bộ dài hạn	212		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	213		-	-
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.178.670.486.993	592.168.949.825
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	967.645.674.970	521.589.980.997
<i>Nguyên giá</i>	222		1.304.869.143.128	896.806.620.588
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(337.223.468.158)	(375.216.639.591)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.13	19.178.069.091	26.058.746.610
<i>Nguyên giá</i>	225		23.890.768.666	31.085.573.565
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(4.712.699.575)	(5.026.826.955)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	10.117.509.911	9.808.811.194
<i>Nguyên giá</i>	228		10.262.125.910	9.815.908.410
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(144.615.999)	(7.097.216)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	181.729.233.021	34.711.411.024
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		792.951.115.733	208.067.033.625
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.16	3.850.000.000	8.250.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	175.200.869.323	86.279.813.536
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	641.608.262.277	113.537.220.089
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.19	(27.708.015.867)	-
V. Lợi thế thương mại	260		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		56.133.378.559	23.271.517.773
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.20	7.688.151.585	6.984.162.741
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272	V.21	14.001.257.595	5.032.310.987
3. Tài sản dài hạn khác	278	V.22	34.443.969.379	11.255.044.045
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.286.536.819.606	1.392.876.957.674

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		972.812.643.323	737.421.260.315
I. Nợ ngắn hạn	310		532.547.438.497	437.779.213.877
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.23	64.953.475.960	95.175.451.104
2. Phải trả cho người bán	312	V.24	224.177.999.492	171.838.287.510
3. Người mua trả tiền trước	313	V.25	27.082.118.441	8.258.906.178
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.26	39.444.922.130	33.308.659.372
5. Phải trả công nhân viên	315	V.27	14.458.291.071	1.638.076.996
6. Chi phí phải trả	316	V.28	40.858.492.091	21.758.275.897
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.29	117.444.448.774	105.801.556.820
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		V.30	4.127.690.538	
II. Nợ dài hạn	320		440.265.204.826	299.642.046.438
1. Phải trả dài hạn người bán	321		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	323		31.753.440.302	101.640.000
4. Vay và nợ dài hạn	324	V.31	400.814.193.762	298.240.829.841
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325		7.198.920.468	185.156.712
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		498.650.294	1.114.419.885
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.283.740.202.100	636.656.890.898
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.270.888.375.106	624.729.397.331
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.32	475.000.000.000	345.230.340.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.32	1.366.907.462.400	40.979.565.250
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.32	71.797.775.902	64.945.188.649
4. Cổ phiếu quỹ	413	V.32	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	414		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415	V.32	907.009.938	778.567.525
7. Quỹ đầu tư phát triển	416		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	417	V.32	7.218.667.273	366.080.020
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418	V.32	6.971.403.599	5.825.431.247
10. Lợi nhuận chưa phân phối	419	V.32	342.086.055.994	166.604.224.640
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		12.851.826.994	11.927.493.567
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	421	V.33	12.851.826.994	11.927.493.567
2. Nguồn kinh phí	422		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	423		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	V.34	29.983.974.183	18.798.806.461

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN

430

3.286.536.819.606

1.392.876.957.674

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		519.867.556	257.033.038
5. Ngoại tệ các loại:			
USD		1.952.477,02	2.525.467,18
EUR		202.785,90	128.857,68
SGD		6.871.187,00	1.738.591,00
MYR		2.641.227,00	752.443,00
Riel		-	392.396.000
6. Dự toán chi phí hoạt động		-	-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2008

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc